TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 189 /2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Ông **Bùi Văn T** - Sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 40, phường H P, quận C L, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Trần Thị T** - Sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 40, phường H P, quận C L, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T kết hôn với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 02/2004 ngày 17/9/2004). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống tại tổ 47, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đến năm 2010 thì chuyển về sống tại địa chỉ tổ 40, phường H P quận C L, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng trong quá trình chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Tuấn và bà Thủy đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T có 02 con chung tên là Bùi Văn B - Sinh ngày 06 tháng 4 năm 2005 và Bùi Văn Quốc A - Sinh ngày 12 tháng 12 năm 2010. Ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận ông Bùi Văn T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Văn B cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị T trực tiếp

nuôi dưỡng con chung Bùi Văn Quốc A cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông T và bà T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T: Ông Bùi Văn T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Văn B - Sinh ngày 06 tháng 4 năm 2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Văn Quốc A - Sinh ngày 12 tháng 12 năm 2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001187 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường A K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Văn N